TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2021
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh – Thư ký TAND huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kim C**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 97 tổ 11, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 97 tổ 11, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị C, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn Chị Bùi Thị Kim C trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C và Anh Q được tự nguyện tìm hiểu, yêu thương khoảng 2 năm rồi đi đến kết hôn, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và được UBND xã Xuân Thạnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 18/10/2000.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do Anh Q sống không chung thủy và có qua lại tình cảm với một người phụ nữ khác. Do vậy, Chị C đã nộp đơn đến tòa án án để giải quyết ly hôn, nhưng muốn cho Anh Q một cơ hội nên Chị C đã rút đơn lại. Đến năm 2016, Chị C phát hiện Anh Q vẫn còn qua lại tình cảm với người phụ nữ đó nên Chị C đã nộp đơn lần hai đến Tòa án. Sau đó, Anh Q cũng năn nỉ xin cho một cơ hội làm lại nên Chị C lại rút đơn. Trong quá trình chung sống, có rất nhiều lần khuyên Anh Q về lại với gia đình nhưng Anh Q không nghe mà còn đánh Chị C (nhưng không để lại thương tích). Ngoài ra, Anh Q thường xuyên đi đánh bài, đánh đề. Khoảng năm 2011 Chị C phải trả 3 chỉ vàng cho việc nợ tiền đánh bài của Anh Q. Đến nay, Anh Q không bỏ được mà vẫn còn ham chơi. Đến năm 2019, con gái Chị C phát hiện ra Anh Q có qua lại tình cảm với một người phụ nữ khác nữa. Chị C và con gái đã khuyên ngăn nhưng Anh Q không thay đổi. Và từ năm 2019 đến nay Chị C và Anh Q đã sống ly thân với nhau vì hai bên không thể nào nói chuyện được với nhau và cũng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Khoảng 10 năm nay Chị C đã nhẫn nhịn sống cùng với Anh Q vì các con, nhưng đến nay Chị C cũng không còn tình cảm với Anh Q nữa nên Chị C làm đơn yêu cầu được ly hôn với Anh Q.

- *Về con chung:* Vợ chồng Chị C và Anh Q chung sống có 03 con chung: Cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày: 24/01/2002; Cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 22/02/2008; Cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 19/9/2011.

Hiện nay, cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là cháu V và cháu L cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Vì hiện nay, 02 con chung đang sinh sống cùng anh Q. Tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Văn Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng Anh Q không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q;

+ Về con chung: Hiện nay, cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là cháu V và cháu L cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Vì hiện nay, 02 con chung đang sinh sống cùng anh Q. Tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên kiến nghị khắc phục: Vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn xét xử; thủ tục niêm yết văn bản tố tụng chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 179; 203- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, không có ý kiến bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại Thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

*** Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị C và anh Q sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau đã tự nguyện đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 18/10/2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Q nhận thấy: Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị C và anh Q đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; mặc dù sự việc này không được anh Q thừa nhận những lời khai của chị C phù hợp với kết quả xác minh tại UBND thị trấn Dầu Giây và Công an thị trấn Dầu Giây. Theo biên bản xác minh ngày 28/4/2021 của ông Lê Hữu L1 là trưởng khu phố T cho biết: *"... mâu thuẫn của hai vợ chồng anh Q và chị C hiện nay anh Q có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số* 97 tổ 11, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai *và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ ..." và theo biên bản xác minh ngày 28/4/2021 trưởng ấp cung cấp thông tin "...được biết Chị C và Anh Q không còn sống chung với nhau nữa, chị C dọn về sống riêng tại phòng trọ tại khu vực tổ 11, KP T, Thị trấn D, mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình vợ con, hai vợ chồng thường xuyên cãi vả..."* Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng Anh Q vắng mặt thể hiện Anh Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm với Chị C. Xét mâu thuẫn giữa Chị C và Anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Chị C là có căn cứ. Hôn nhân của Chị C và Anh Q được xác lập theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, vì vậy căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 cho Chị C và Anh Q được ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng Chị C và Anh Q chung sống có 03 người con chung là Cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày: 24/01/2002; Cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 22/02/2008; Cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 19/9/2011. Hiện nay, cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là cháu V và cháu L cho anh Q nuôi dưỡng. Tạm thời, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định vợ chồng tự thỏa thuận và đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; (tương đương Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014);

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Bùi Thị Kim C.

1. Về hôn nhân: Xử cho Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng Chị C và Anh Q chung sống có 03 người con chung là Cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày: 24/01/2002; Cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 22/02/2008; Cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 19/9/2011. Hiện nay, cháu Trường đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 19/9/2011 và cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 22/02/2008 cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006421 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
THẨM
- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã Xuân Thạnh (Số 33/2000);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa